

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Nguyên Học	Chủ tịch
Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thị Việt Nga	Thành viên
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016)
Ông Trần Chí Liêm	Thành viên
Ông Shuhei Tabata	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Quốc Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên
Ông Đinh Đức Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

1901
CH
C
TRÁCH
DE
VI
VI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

2500
NH
NG
HIỆM
LỜI
T N
TP. V

Số: 112 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, với báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2015 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.154.839.347.128	2.031.832.065.087
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	158.654.221.682	329.246.389.813
1. Tiền	111		34.654.221.682	35.246.389.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		124.000.000.000	294.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	831.000.000.000	507.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		831.000.000.000	507.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		504.019.891.528	594.243.840.493
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	426.168.084.704	548.426.113.594
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46.286.219.642	19.165.999.426
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10.818.403.265	12.388.633.598
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	26.771.761.551	20.040.809.017
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(6.024.577.634)	(5.777.715.142)
IV. Hàng tồn kho	140	9	651.572.068.471	598.246.141.828
1. Hàng tồn kho	141		652.929.056.318	600.606.776.558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.356.987.847)	(2.360.634.730)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.593.165.447	3.095.692.953
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5.478.900.768	2.534.418.542
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.362.128.763	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	752.135.916	561.274.411
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.059.757.903.743	1.252.430.878.671
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		400.013.997.458	587.912.165.741
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	400.013.997.458	587.912.165.741
II. Tài sản cố định	220		462.366.882.930	472.315.847.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	254.103.921.753	266.012.104.528
- Nguyên giá	222		636.925.009.954	623.153.018.708
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(382.821.088.201)	(357.140.914.180)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	208.262.961.177	206.303.743.341
- Nguyên giá	228		226.053.296.877	222.283.861.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.790.335.700)	(15.980.118.536)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	26.719.125.470	28.441.521.155
- Nguyên giá	231		36.439.752.527	38.679.461.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.720.627.057)	(10.237.940.002)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.673.669.284	13.094.070.465
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	20.673.669.284	13.094.070.465
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	132.745.620.200	132.745.620.200
1. Đầu tư vào công ty con	251		117.550.000.000	117.550.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.787.450.000	3.787.450.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.908.170.200	27.908.170.200
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.238.608.401	17.921.653.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	13.938.608.401	14.621.653.241
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.300.000.000	3.300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.214.597.250.871	3.284.262.943.758

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		962.917.786.369	860.726.137.790
I. Nợ ngắn hạn	310		908.007.543.942	802.723.891.367
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	234.727.747.577	330.290.069.777
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.909.925.500	6.327.390.829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	15.338.248.837	6.623.165.735
4. Phải trả người lao động	314		48.285.690.531	87.474.273.542
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	77.756.690.178	18.201.995.862
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	21.906.645.629	3.447.830.110
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	8.449.919.238	9.331.710.323
8. Vay ngắn hạn	320	22	386.511.706.114	270.711.206.737
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	107.120.970.338	70.316.248.452
II. Nợ dài hạn	330		54.910.242.427	58.002.246.423
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	27.732.315.451	27.623.718.837
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	25	27.177.926.976	30.378.527.586
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.251.679.464.502	2.423.536.805.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	2.251.679.464.502	2.423.536.805.968
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		871.643.300.000	871.643.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		871.643.300.000	871.643.300.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(16.121.030.000)	(16.121.030.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.204.418.584.654	1.025.023.272.831
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.738.609.848	542.991.263.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		191.738.609.848	542.991.263.137
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.214.597.250.871	3.284.262.943.758


Trần Ngọc Hiền
Người lập biểu

Hồ Bửu Huân
Phụ trách kế toán

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

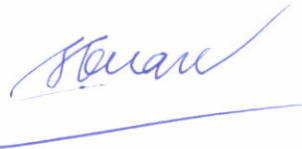

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016	30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.792.364.227.635	1.526.045.359.894
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		96.019.138.425	138.225.217.764
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	1.696.345.089.210	1.387.820.142.130
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.253.115.880.976	945.120.205.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		443.229.208.234	442.699.936.426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	128.777.141.586	96.256.787.462
7. Chi phí tài chính	22	33	31.063.032.157	28.950.784.512
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.598.598.698	3.856.327.259
8. Chi phí bán hàng	25	34	244.232.734.550	163.230.336.923
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	93.507.498.808	88.211.286.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		203.203.084.305	258.564.315.755
11. Thu nhập khác	31	35	25.026.207.306	36.378.187.709
12. Chi phí khác	32	36	8.732.200.009	2.091.202.920
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		16.294.007.297	34.286.984.789
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		219.497.091.602	292.851.300.544
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	27.758.481.754	45.981.968.074
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		191.738.609.848	246.869.332.470


Trần Ngọc Hiền
Người lập biểu

Hồ Bửu Huân
Phụ trách kế toán


Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016	30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>219.497.091.602</i>	<i>292.851.300.544</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	27.407.001.379	32.495.637.573
Các khoản dự phòng	03	502.974.873	(249.749.967)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(131.771.952.317)	(95.962.873.767)
Chi phí lãi vay	06	5.598.598.698	3.856.327.259
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>121.233.714.235</i>	<i>232.990.641.642</i>
Giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	389.367.512.955	267.854.100.058
	10	(52.320.884.760)	53.734.551.972
Giảm các khoản phải trả	11	(58.108.514.845)	(306.504.141.687)
Tăng chi phí trả trước	12	(2.261.437.386)	(6.408.061.802)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.395.198.556)	(4.029.269.490)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.326.098.389)	(98.950.342.989)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.281.703.056)	(18.145.583.468)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>352.907.390.198</i>	<i>120.541.894.236</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(30.785.739.669)	(40.555.401.879)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	7.696.809.375	10.112.190.910
3. Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(827.295.830.504)	(98.445.654.500)
4. Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	477.923.923.619	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.457.604.473	72.932.070.818
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(335.003.232.706)</i>	<i>(55.956.794.651)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	633.486.276.089	837.956.645.140
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(517.685.776.712)	(748.603.724.370)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(304.296.825.000)	(261.462.600.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(188.496.325.623)</i>	<i>(172.109.679.230)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(170.592.168.131)	(107.524.579.645)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	329.246.389.813	489.229.559.612
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	158.654.221.682	381.704.979.967

Giao dịch trọng yếu không bằng tiền cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh số 40.

nghe

Trần Ngọc Hiền
Người lập biểu

seuan

Hồ Bửu Huân
Phụ trách kế toán

[Signature]

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Ngày 02 tháng 9 năm 2014, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là “Công ty”) chính thức đi vào hoạt động theo Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB ngày 05 tháng 8 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Cần Thơ về việc chuyển đổi Xí nghiệp Liên hợp Dược Hậu Giang Thành phố Cần Thơ thành công ty cổ phần hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5703000111 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp với vốn điều lệ ban đầu là 80.000.000.000 đồng.

Trong năm 2014, Công ty tăng vốn cổ phần lên 871.643.300.000 đồng. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 ngày 6 tháng 5 năm 2015 cho việc gia tăng vốn điều chỉnh lần thứ 21 ngày 29 tháng 10 năm 2015 cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh sản xuất và bán nước tinh khiết đóng chai.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01 tháng 12 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết cổ phiếu số 93/UBCK-GPNY của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, với mã chứng khoán là DHG.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 43,31% vốn cổ phần của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.751 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.852).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các công ty con và Công ty liên kết của Công ty bao gồm:

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
			30/6/2016	31/12/2015
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	Sản xuất giấy nhàn, bìa nhàn, bao bì từ giấy bìa bìa; Sản xuất kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; In xuất bản phẩm	Số 642041000007 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 28 tháng 9 năm 2012	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
			30/6/2016	31/12/2015
Công ty con (Tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 02 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 02 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1300917335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 10 năm 2012	100%	100%
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 2100510569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2012	100%	100%
Công ty TNHH MTV VL Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1500971019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 19 tháng 12 năm 2012	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008	31,36%	31,36%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo chính sách của Công ty và được trình bày tại Thuyết minh số 3 bên dưới.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt độngCông ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị sổ sách của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 đến 16 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí nâng cấp tài sản thuê, chi phí thuê đất trả trước, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Dự phòng cho các khoản chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty lập dự phòng cho các khoản chi phí thu dọn và khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng đi thuê. Số dự phòng được xác định căn cứ vào tổng ước tính chi phí thu dọn và khôi phục mặt bằng sẽ phát sinh khi hoàn trả mặt bằng trong tương lai và được ghi nhận đều qua suốt thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến khi hoàn trả mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

Chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

002-C
NH
CY
HUU H
TE
AM
5 C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Công ty trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Công ty và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt	8.026.224.541	11.613.242.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.627.997.141	23.633.147.013
Các khoản tương đương tiền (*)	124.000.000.000	294.000.000.000
	158.654.221.682	329.246.389.813

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tương đương tiền có giá trị 5.000.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: không).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng có giá trị 220.000.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như trình bày tại Thuyết minh số 22, và các khoản bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 105.000.000.000 đồng).

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	117.550.000.000	-	117.550.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	3.787.450.000	-	3.787.450.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27.908.170.200	(16.500.000.000)	27.908.170.200	(16.500.000.000)
	149.245.620.200	(16.500.000.000)	149.245.620.200	(16.500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác do cổ phiếu chưa có giá tham chiếu trên thị trường, ngoại trừ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long do cổ phiếu của đơn vị này đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2008. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 tương ứng là 59.472.000 đồng và 63.000.000 đồng.

Đầu tư vào công ty con

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV DT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm A&G Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV TG Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV VL Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	5.000.000.000	5.000.000.000
	<u>117.550.000.000</u>	<u>117.550.000.000</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hào	<u>3.787.450.000</u>	<u>3.787.450.000</u>

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
	<u>27.908.170.200</u>	<u>27.908.170.200</u>

Số dư dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn từ các bên thứ ba (*)	289.473.297.300	381.960.672.410
b. Phải thu khách hàng từ các công ty con (Thuyết minh số 39)	136.694.787.404	166.465.441.184
	<u>426.168.084.704</u>	<u>548.426.113.594</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có các khoản phải thu của bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên tổng phải thu khách hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Chiết khấu thương mại trả trước	357.192.591	1.879.928.969
Dự thu lãi tiền gửi	13.733.425.000	6.691.565.280
Phải thu các công ty con (Thuyết minh số 39)	4.247.092.081	-
Phải thu người lao động	1.530.514.178	1.079.415.539
Phải thu khác	6.903.537.701	10.389.899.229
	<u>26.771.761.551</u>	<u>20.040.809.017</u>

8. NỢ XẤU

	30/6/2016		
	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>
Tổng giá trị của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	<u>102.747.927.976</u>	<u>(6.024.577.634)</u>	<u>96.723.350.342</u>
	31/12/2015		
	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>
Tổng giá trị của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	<u>220.403.010.780</u>	<u>(5.777.715.142)</u>	<u>214.625.295.638</u>

Chi tiết giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng số nợ quá hạn như sau:

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Trường Tín	<u>13.335.912.130</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	62.541.350.710	-	62.830.863.204	-
Nguyên liệu, vật liệu	151.275.951.513	-	162.793.439.478	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.890.132.029	-	9.671.982.095	-
Thành phẩm	180.922.046.269	871.547.020	173.403.421.194	1.992.804.385
Hàng hoá	235.299.575.797	485.440.827	191.907.070.587	367.830.345
	652.929.056.318	1.356.987.847	600.606.776.558	2.360.634.730

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ này và năm trước như sau:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	2.360.634.730	4.464.136.213
Hoàn nhập dự phòng	(1.003.646.883)	(2.103.501.483)
Số dư cuối kỳ/năm	1.356.987.847	2.360.634.730

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	3.072.350.425	341.400.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.406.550.343	2.193.018.542
	5.478.900.768	2.534.418.542
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	11.232.364.694	11.405.614.538
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.276.643.605	2.803.402.447
Nâng cấp tài sản đi thuê	126.750.798	174.666.020
Chi phí trả trước dài hạn khác	302.849.304	237.970.236
	13.938.608.401	14.621.653.241

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp/ phải thu trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2016 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	561.274.411	7.468.500.158	7.659.361.663	752.135.916
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.070.803.548	16.778.682.377	20.849.485.925	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	20.960.374.521	20.960.374.521	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.269.913.016	27.758.481.754	18.326.098.389	10.702.296.381
Thuế thu nhập cá nhân	1.281.960.137	12.121.431.931	12.918.702.015	484.690.053
Thuế sử dụng đất	-	5.592.954.764	1.441.692.361	4.151.262.403
Các loại thuế khác	489.034	54.409.606	54.898.640	-
	6.623.165.735	83.266.334.953	74.551.251.851	15.338.248.837

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Phải thu về cho vay dài hạn từ các công ty con (*) (Thuyết minh số 39)	390.848.750.744	587.912.165.741
Phải thu về cho vay dài hạn từ khách hàng (**)	9.165.246.714	-
	<u>400.013.997.458</u>	<u>587.912.165.741</u>

(*) Đây là khoản cho các công ty con vay nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy với thời hạn là 19 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 với lãi suất 4,5%/năm. Các khoản cho vay này không được đảm bảo.

(**) Đây là khoản cho khách hàng vay không lãi suất theo chính sách hỗ trợ vốn có hoàn lại của Công ty.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	201.008.638.811	232.793.030.506	110.596.867.367	78.754.482.024	623.153.018.708
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.011.839.396	7.752.146.909	3.019.354.545	215.970.000	16.999.310.850
Thanh lý, nhượng bán	(1.479.264.921)	(189.158.563)	(848.795.665)	(710.100.455)	(3.227.319.604)
Tại ngày 30/6/2016	<u>205.541.213.286</u>	<u>240.356.018.852</u>	<u>112.767.426.247</u>	<u>78.260.351.569</u>	<u>636.925.009.954</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	81.141.966.118	151.381.237.057	70.866.854.085	53.750.856.920	357.140.914.180
Khấu hao trong kỳ	8.208.684.671	10.413.656.184	6.356.994.214	3.670.906.305	28.650.241.374
Thanh lý, nhượng bán	(1.260.492.025)	(189.158.563)	(848.795.665)	(671.621.100)	(2.970.067.353)
Tại ngày 30/6/2016	<u>88.090.158.764</u>	<u>161.605.734.678</u>	<u>76.375.052.634</u>	<u>56.750.142.125</u>	<u>382.821.088.201</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2016	<u>117.451.054.522</u>	<u>78.750.284.174</u>	<u>36.392.373.613</u>	<u>21.510.209.444</u>	<u>254.103.921.753</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>119.866.672.693</u>	<u>81.411.793.449</u>	<u>39.730.013.282</u>	<u>25.003.625.104</u>	<u>266.012.104.528</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 157.158 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 124.465 triệu đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	110.924.939.361	102.821.579.711	8.537.342.805	222.283.861.877
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.800.000.000	-	4.405.435.000	6.205.435.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.436.000.000)	-	-	(2.436.000.000)
Tại ngày 30/6/2016	<u>110.288.939.361</u>	<u>102.821.579.711</u>	<u>12.942.777.805</u>	<u>226.053.296.877</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	-	10.607.081.023	5.373.037.513	15.980.118.536
Khấu hao trong kỳ	-	1.051.881.708	758.335.456	1.810.217.164
Tại ngày 30/6/2016	-	<u>11.658.962.731</u>	<u>6.131.372.969</u>	<u>17.790.335.700</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2016	<u>110.288.939.361</u>	<u>91.162.616.980</u>	<u>6.811.404.836</u>	<u>208.262.961.177</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>110.924.939.361</u>	<u>92.214.498.688</u>	<u>3.164.305.292</u>	<u>206.303.743.341</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.917 triệu đồng.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	38.679.461.157
Thanh lý, nhượng bán	(2.239.708.630)
Tại ngày 30/6/2016	<u>36.439.752.527</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	10.237.940.002
Khấu hao trong kỳ	1.321.365.468
Thanh lý, nhượng bán	(1.838.678.413)
Tại ngày 30/6/2016	<u>9.720.627.057</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2016	<u>26.719.125.470</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>28.441.521.155</u>

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 612.933.335 đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định do Công ty chưa thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng nhà máy Tân Phú Thạnh	6.244.200.000	6.244.200.000
Xường sản xuất thuốc sùi bọt	4.054.610.000	3.061.360.000
Xây dựng văn phòng chi nhánh Đà Nẵng	3.032.409.114	27.580.000
Cải tạo dây chuyền	2.570.726.870	-
Xây dựng kho nguyên liệu	2.315.307.019	-
Xây dựng văn phòng chi nhánh Hồ Chí Minh	1.553.664.706	14.461.818
Xây dựng văn phòng chi nhánh Gia Lai	623.948.774	623.948.774
Xây dựng kho thành phẩm Tổng kho Cách Mạng Tháng 8	208.314.663	3.031.610.782
Cải tạo phòng ban	58.669.956	-
Xây dựng văn phòng chi nhánh Thái Nguyên	11.818.182	-
Xây dựng văn phòng chi nhánh Hải Phòng	-	90.909.091
	<u><u>20.673.669.284</u></u>	<u><u>13.094.070.465</u></u>

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ của các khoản dự phòng	16.500.000.000	16.500.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u><u>3.300.000.000</u></u>	<u><u>3.300.000.000</u></u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải trả cho các bên thứ ba	208.426.310.544	191.715.942.857
Công ty TNHH Mega Lifescience (Việt Nam)	13.944.788.306	42.854.138.507
Công ty TNHH Dược phẩm Trường Tín	40.575.317.287	38.175.021.388
Nomura Trading Co., Ltd	56.161.643.000	18.155.970.000
Các đối tượng khác	97.744.561.951	92.530.812.962
b. Phải trả các công ty con và công ty liên kết (Thuyết minh số 39)	26.301.437.033	138.574.126.920
	<u><u>234.727.747.577</u></u>	<u><u>330.290.069.777</u></u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản nợ phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiếp thị và chăm sóc khách hàng	58.213.034.035	3.196.827.384
Chi phí hội thảo	7.254.950.000	827.636.363
Lãi vay phải trả	655.542.140	452.141.998
Chi phí phải trả khác	<u>11.633.164.003</u>	<u>13.725.390.117</u>
	<u>77.756.690.178</u>	<u>18.201.995.862</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng truyền thống, như trình bày tại Thuyết minh số 3.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	7.566.965	665.218.581
Kinh phí công đoàn	545.363.818	542.914.569
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>7.896.988.455</u>	<u>8.123.577.173</u>
	<u>8.449.919.238</u>	<u>9.331.710.323</u>

22. VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 01/01/2016	Tăng	Giảm	Tại ngày 30/6/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngân hàng (*)	247.000.000.000	628.000.000.000	515.000.000.000	360.000.000.000
Vay người lao động (**)	23.711.206.737	5.486.276.089	2.685.776.712	26.511.706.114
	<u>270.711.206.737</u>	<u>633.486.276.089</u>	<u>517.685.776.712</u>	<u>386.511.706.114</u>

(*) Thể hiện khoản vay tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với hạn mức tối đa là 400.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam và hết hiệu lực vào ngày 04 tháng 3 năm 2017. Thời hạn cho từng lần rút vốn là từ 3 tháng tới 4 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, như trình bày tại Thuyết minh số 4, và chịu lãi suất từ 0,37%/tháng đến 0,38%/tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,29%/tháng đến 0,62%/tháng).

(**) Các khoản vay từ người lao động của Công ty không có đảm bảo và chịu lãi suất từ 0,42%/tháng đến 0,57%/tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,42%/tháng đến 0,57% một tháng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi nhân viên VND	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	28.610.527.409	6.727.252.863	34.978.468.180	70.316.248.452
Trích quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 26)	54.299.126.314	5.000.000.000	-	59.299.126.314
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	-	-	(2.190.138.390)	(2.190.138.390)
Sử dụng quỹ	(17.584.559.038)	(2.719.707.000)	-	(20.304.266.038)
Tại ngày 30/6/2016	65.325.094.685	9.007.545.863	32.788.329.790	107.120.970.338

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng cho các khoản
chi phí thu dọn, khôi phục
và hoàn trả mặt bằng
VND

Dự phòng
trợ cấp thôi việc
VND

Tổng
VND

Tại ngày 01/01/2016	1.353.717.787	26.270.001.050	27.623.718.837
Trích lập dự phòng bổ sung	850.997.964	408.761.300	1.259.759.264
Sử dụng dự phòng đã trích lập	-	(1.151.162.650)	(1.151.162.650)
Tại ngày 30/6/2016	2.204.715.751	25.527.599.700	27.732.315.451

25. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ VND	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	6.519.245.955	23.859.281.631	30.378.527.586
Quỹ chuyển về cho công ty con	(258.793.700)	-	(258.793.700)
Sử dụng quỹ	(718.643.318)	-	(718.643.318)
Tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	(1.658.107.727)	1.658.107.727	-
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(2.184.684.237)	(2.184.684.237)
Thanh lý tài sản hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(38.479.355)	(38.479.355)
Tại ngày 30/6/2016	3.883.701.210	23.294.225.766	27.177.926.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	871.643.300.000	(455.850.000)	768.665.991.301	66.026.578.871	521.167.607.431	2.227.047.627.603
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	542.991.263.137	542.991.263.137
Chia cổ tức của năm 2014	-	-	-	-	(261.462.600.000)	(261.462.600.000)
Phân bổ các quỹ	-	-	190.330.702.659	-	(190.330.702.659)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(62.540.112.892)	(62.540.112.892)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(6.834.191.880)	(6.834.191.880)
Chuyển từ quỹ dự phòng tài chính	-	-	66.026.578.871	(66.026.578.871)	-	-
Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	-	(15.665.180.000)	-	-	-	(15.665.180.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	871.643.300.000	(16.121.030.000)	1.025.023.272.831	-	542.991.263.137	2.423.536.805.968
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	191.738.609.848	191.738.609.848
Chia cổ tức của năm 2015	-	-	-	-	(304.296.825.000)	(304.296.825.000)
Phân bổ các quỹ	-	-	179.395.311.823	-	(179.395.311.823)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(54.299.126.314)	(54.299.126.314)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	871.643.300.000	(16.121.030.000)	1.204.418.584.654	-	191.738.609.848	2.251.679.464.502

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 871.643.300.000 đồng. Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành	87.164.330	871.643.300.000	87.164.330	871.643.300.000
Cổ phiếu quỹ	(222.380)	(16.121.030.000)	(222.380)	(16.121.030.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	86.941.950	855.522.270.000	86.941.950	855.522.270.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2016/NQ-DHĐCĐ thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 ở mức 35%, tương ứng với số tiền là 304.296.825.000 đồng.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Đô la Mỹ (USD)	106.685	246.134
Euro (EUR)	53.239	37.665
Pataca Macau (MOP)	20	20

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Khi trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, doanh thu bộ phận dựa vào lĩnh vực kinh doanh là dược phẩm, thực phẩm chức năng và lĩnh vực kinh doanh khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu thuần		
Dược phẩm	1.189.812.927.012	1.053.510.000.939
Thực phẩm chức năng	210.620.014.743	111.992.935.979
Khác	295.912.147.455	222.317.205.212
	1.696.345.089.210	1.387.820.142.130
Giá vốn hàng bán		
Dược phẩm	(832.161.812.423)	(653.618.370.112)
Thực phẩm chức năng	(137.982.875.385)	(76.235.009.594)
Khác	(282.971.193.168)	(215.266.825.998)
	(1.253.115.880.976)	(945.120.205.704)
Lợi nhuận gộp		
Dược phẩm	357.651.114.589	399.891.630.827
Thực phẩm chức năng	72.637.139.358	35.757.926.385
Khác	12.940.954.287	7.050.379.214
	443.229.208.234	442.699.936.426

29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	852.152.304.375	903.426.138.811
Doanh thu bán hàng hóa	938.733.073.885	621.227.439.540
Doanh thu khác	1.478.849.375	1.391.781.543
	1.792.364.227.635	1.526.045.359.894
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	85.242.806.500	119.499.250.406
Hàng bán bị trả lại	10.776.331.925	18.725.967.358
	96.019.138.425	138.225.217.764
Doanh thu thuần		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	795.860.163.838	801.068.050.613
Doanh thu bán hàng hóa	899.006.075.997	585.360.309.974
Doanh thu khác	1.478.849.375	1.391.781.543
	1.696.345.089.210	1.387.820.142.130

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	421.341.637.116	421.581.512.220
Giá vốn của hàng hóa đã bán	831.520.244.435	522.267.447.176
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.257.646.308	1.271.246.308
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.003.646.883)	-
	1.253.115.880.976	945.120.205.704

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.149.176.535.909	858.353.193.864
Chi phí nhân công	223.751.881.200	159.603.938.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.150.545.441	26.922.025.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.206.845.829	122.480.675.431
Chi phí khác bằng tiền	34.648.903.431	32.839.817.959
	1.599.934.711.810	1.200.199.650.428

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.236.308.449	83.988.234.014
Lãi tiền gửi	24.205.624.898	11.604.010.322
Lãi cho vay công ty con	12.439.260.140	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.646.195.531	664.420.126
Doanh thu hoạt động tài chính khác	249.752.568	123.000
	128.777.141.586	96.256.787.462

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán	23.507.203.887	22.345.381.452
Lãi tiền vay	5.598.598.698	3.856.327.259
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.897.965.904	2.705.328.671
Chi phí tài chính khác	59.263.668	43.747.130
	31.063.032.157	28.950.784.512

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí quảng cáo	106.696.775.590	53.181.889.760
Chi phí nhân viên	75.433.665.199	48.013.747.979
Chi phí hội thảo giới thiệu sản phẩm	4.877.002.689	21.556.281.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.467.459.055	6.451.590.705
Chi phí vận chuyển	7.292.899.747	9.071.763.781
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.983.032.812	3.379.701.623
Chi phí chăm sóc khách hàng	894.842.465	1.400.000.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	2.845.459.620	1.025.638.890
Các chi phí khác	34.741.597.373	19.149.722.706
	244.232.734.550	163.230.336.923
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	74.633.814.001	60.195.141.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.257.448.863	7.413.506.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.053.764.396	5.657.931.521
Chi phí dự phòng cho việc thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng	850.997.964	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	748.203.952	1.495.648.335
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	246.862.492	750.250.033
Thuế, phí và lệ phí	213.670.258	207.692.595
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.600.000	102.455.239
Các chi phí khác	7.494.136.882	12.388.660.436
	93.507.498.808	88.211.286.698

35. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập từ hoa hồng bán hàng	14.983.963.390	19.173.605.268
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn	4.641.006.262	370.629.431
Thu nhập khác từ khoản chi khuyến mãi cho Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	-	12.983.516.948
Doanh thu cho thuê hoạt động	920.909.090	970.841.337
Các khoản thu nhập khác	4.480.328.564	2.879.594.725
	25.026.207.306	36.378.187.709

36. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá trị hàng tồn kho bị thất thoát	8.295.694.967	-
Các khoản chi phí khác	436.505.042	2.091.202.920
	8.732.200.009	2.091.202.920

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	219.497.091.602	292.851.300.544
Thuế tính ở thuế suất phổ thông 20% (2015: 22%)	43.899.418.320	64.427.286.120
Điều chỉnh:		
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	(18.047.261.690)	(18.477.411.483)
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	1.906.325.124	32.093.437
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.758.481.754	45.981.968.074

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2015: 22%) tính trên thu nhập chịu thuế.

38. CÁC KHOẢN CAM KẾT**a. Cam kết thuê hoạt động**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.740.996.679	927.075.488

Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.740.996.679	1.854.150.976
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	21.927.973.432	7.416.603.904
Sau năm năm	125.360.854.237	43.338.191.348
	150.029.824.348	52.608.946.228

b. Cam kết vốn:

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	8.697.989.843	21.025.105.098
Đã được duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện	24.256.119.132	16.138.007.212
	32.954.108.975	37.163.112.310

002-C
 NH
 TY
 HỮU H
 TE
 AM
 5 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Công ty con
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Công ty con
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Công ty con
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm A&G Pharma	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	Công ty con
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	Công ty con
Công ty TNHH MTV VL Pharma	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (*)	Công ty con
Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hào	Công ty liên kết
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	Cổ đông lớn

(*) Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG đã hoàn tất các thủ tục giải thể trong năm 2015.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV DT Pharma	16.156.791.433	14.204.917.405
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	1.064.296.756	984.090.909
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	24.435.446.100	16.078.879.283
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	-	750.110.023
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	19.720.096.790	17.404.537.261
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	33.911.683.252	26.114.286.640
Công ty TNHH MTV Dược phẩm A&G Pharma	47.067.998.218	33.815.937.879
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	27.093.862.284	21.677.205.658
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	71.200.449.421	50.717.486.616
Công ty TNHH MTV TG Pharma	13.250.437.599	9.608.510.001
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	20.015.768.866	16.064.677.674
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	169.855.676.724	75.425.736.454
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	19.407.699.359	14.909.030.318
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	10.192.145.448	10.586.106.512
Công ty TNHH MTV VL Pharma	20.236.878.161	13.760.800.835
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	316.240.431	158.344.888
	493.925.470.842	322.260.658.356

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	14.077.666.364	12.336.467.071
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	-	11.799.633.808
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	224.673.304	491.868.953
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	464.561.501.313	287.412.570.021
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	46.209.394.055	40.068.093.379
Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hào	717.050.000	30.800.000
	525.790.285.036	352.139.433.232
Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	-	4.561.681.295
Thu nhập cổ tức		
Công ty TNHH MTV DT Pharma	654.886.490	585.972.072
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	69.187.375	1.604.880.071
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	1.939.298.020	3.026.392.996
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	-	4.352.714.993
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	1.018.960.957	1.481.234.706
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	1.275.000.000	331.500.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm A&G Pharma	1.538.343.416	2.242.189.321
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	853.786.842	3.814.414.018
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	2.210.827.450	5.946.675.268
Công ty TNHH MTV TG Pharma	693.817.933	232.244.566
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	990.249.704	2.909.361.406
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	68.214.526.669	14.986.033.349
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	959.981.576	796.794.570
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	87.450.668	1.275.672.064
Công ty TNHH MTV VL Pharma	1.018.037.728	315.287.799
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	8.556.365.201	39.855.077.920
	90.080.720.029	83.756.445.119
Chiết khấu thương mại nhận được		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	-	88.931.715.204
Thu nhập lãi cho vay		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	41.723.602	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	10.169.863.112	-
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	2.227.673.426	-
	12.439.260.140	-
(Thu hồi vay dài hạn)/cho vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	(192.234.414.997)	48.597.321.167
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	(2.000.000.000)	-
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	(2.829.000.000)	-
	(197.063.414.997)	48.597.321.167
Chi trả cổ tức		
SCIC	132.127.887.500	113.252.475.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chi trong kỳ như sau:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác	6.084.280.428	7.596.790.861

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	542.000.000	-
Công ty TNHH MTV DT Pharma	7.176.080.421	5.581.420.887
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	9.630.640.155	16.329.487.130
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	8.375.493.764	13.470.636.019
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	10.030.661.416	10.328.814.061
Công ty TNHH MTV Dược phẩm A&G Pharma	24.031.618.509	23.230.169.374
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	13.819.551.460	16.278.620.117
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	28.460.736.735	36.872.239.339
Công ty TNHH MTV TG Pharma	4.119.090.484	8.052.492.750
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	11.489.951.203	12.502.161.914
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	43.914.601	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	4.869.884.481	8.710.527.880
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	4.799.786.311	3.807.452.391
Công ty TNHH MTV VL Pharma	9.304.345.864	11.155.691.322
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	1.032.000	145.728.000
	136.694.787.404	166.465.441.184
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	292.929.039.707	485.163.454.704
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	97.919.711.037	97.919.711.037
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	-	2.829.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	-	2.000.000.000
	390.848.750.744	587.912.165.741
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	69.187.375	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	990.249.704	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm B&T	959.981.576	-
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	2.227.673.426	-
	4.247.092.081	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	17.692.499.042	127.856.145.458
Công ty TNHH MTV Bao bì DHG 1	7.525.764.991	10.717.981.462
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	1.080.473.000	-
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	2.700.000	-
	26.301.437.033	138.574.126.920

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****a. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Phân bổ các quỹ từ Lợi nhuận	238.694.438.137	259.705.007.431
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở sang tài sản cố định hữu hình	16.999.310.850	24.915.921.153
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở sang tài sản cố định vô hình	6.205.435.000	7.962.045.680
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở sang công cụ, dụng cụ	1.395.000	238.377.438
Cần trừ công nợ khi nhận các khoản lợi nhuận được chia và lãi cho vay	78.384.389.781	-
Cần trừ công nợ khi thu hồi các khoản vay dài hạn	218.718.743.786	-
Cần trừ công nợ khi chi cho công ty con vay dài hạn	3.878.438.285	-
Chuyển từ chi phí trả trước sang tài sản cố định vô hình	-	30.873.851.250
Chuyển từ quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển	-	66.026.578.871

b. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	633.486.276.089	837.965.645.140

c. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	517.685.776.712	748.603.724.370

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 016/2016/QĐ.HĐQT ngày 04 tháng 7 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án bán 222.380 cổ phiếu quỹ với giá dự kiến không thấp hơn 94.500 đồng/cổ phiếu. Thời gian dự kiến giao dịch được Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chọn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác liên doanh với hai đối tác nước ngoài về việc góp vốn thành lập công ty liên doanh về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư dự kiến là 2.000.000 đô la Mỹ và tổng vốn điều lệ là 1.200.000 đô la Mỹ. Tỷ lệ góp vốn của Công ty sẽ là 51% tương ứng với 612.000 đô la Mỹ và hai đối tác nước ngoài sẽ là 49% tương ứng với 588.000 đô la Mỹ. Ngày 27 tháng 7 năm 2016, công ty liên doanh - Công ty TNHH Fuji Medic đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801472944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty liên doanh này.

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số sau phân loại lại VND	Thay đổi thuần VND
Thu nhập khác	46.119.749.188	36.378.187.709	(9.741.561.479)
Chi phí khác	11.832.764.399	2.091.202.920	(9.741.561.479)



Trần Ngọc Hiền
 Người lập biểu



Hồ Bửu Huân
 Phụ trách kế toán




Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2016

